

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

đã được Soát xét

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét	04
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được soát xét	05 - 25
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn - Cầu Giấy - Hà Nội.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch
Ông Cấn Hữu Hải	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Ủy viên
Ông Hà Sỹ Tuyển	Ủy viên
Ông Bùi Vũ Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cấn Hữu Hải	Giám đốc	
Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2011
Ông Hà Sỹ Tuyển	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/05/2011

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Văn Tùng	Ủy viên	
Bà Trần Thị Uyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 09 tháng 08 năm 2011, gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
				VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		125.859.882.184	157.129.131.719
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	35.308.271.373	98.425.101.580
111	1. Tiền		2.248.369.447	2.715.101.580
112	2. Các khoản tương đương tiền		33.059.901.926	95.710.000.000
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	19.810.000.000	-
121	1 Đầu tư ngắn hạn		19.810.000.000	-
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		36.852.442.238	28.835.367.925
131	1. Phải thu của khách hàng		33.134.047.328	26.220.401.372
132	2. Trả trước cho người bán		416.819.937	556.164.892
135	3. Các khoản phải thu khác	5	4.614.583.010	3.652.359.064
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.313.008.037)	(1.593.557.403)
140	IV Hàng tồn kho	6	32.128.003.733	28.977.385.347
141	1. Hàng tồn kho		33.120.608.023	29.969.989.637
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(992.604.290)	(992.604.290)
150	V Tài sản ngắn hạn khác		1.761.164.840	891.276.867
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		942.777.427	524.694.144
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		24.369.796	6.194.684
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	6.541.881	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		787.475.736	360.388.039
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		22.095.222.873	23.598.689.204
220	II Tài sản cố định		14.005.851.230	14.350.167.371
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	13.885.383.779	14.238.638.162
222	- Nguyên giá		17.786.344.628	17.786.344.628
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.900.960.849)	(3.547.706.466)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	120.467.451	111.529.209
228	- Nguyên giá		187.617.546	163.617.546
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(67.150.095)	(52.088.337)
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	750.000.000	750.000.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	750.000.000
260	V Tài sản dài hạn khác		6.745.552.177	7.869.771.810
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	6.740.552.177	7.864.771.810
268	2. Tài sản dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
269	VI Lợi thế thương mại		593.819.466	628.750.023
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		147.955.105.057	180.727.820.923

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		38.846.850.488	65.790.854.175
310	I Nợ ngắn hạn		38.610.895.635	64.959.624.184
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	346.103.000	30.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		33.041.427.322	30.335.935.861
313	3. Người mua trả tiền trước		256.974.557	251.746.356
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.503.414.745	1.192.533.293
315	5. Phải trả người lao động		1.355.135.135	899.920.938
316	6. Chi phí phải trả	14	965.851.273	1.137.370.464
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	992.038.618	595.968.156
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		149.950.985	546.149.116
330	II Nợ dài hạn		235.954.853	831.229.991
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	586.382.545
333	2. Phải trả dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		189.954.853	198.847.446
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		108.170.672.450	113.723.909.944
410	I Vốn chủ sở hữu	16	108.170.672.450	113.723.909.944
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(765.000.000)	(765.000.000)
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		36.199.650	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(2.357.268.080)	(33.600.000)
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.749.504.745	2.785.704.395
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		1.308.588.004	1.308.588.004
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.003.808.131	8.233.377.545
439	C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		937.582.119	1.213.056.804
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		147.955.105.057	180.727.820.923

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

				-
Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011	
4 Nợ khó đòi đã xử lý		280.549.366		-

Vũ Thị Minh Nguyệt

Phụ trách kế toán

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	36.681.410.209	36.863.838.357
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		2.025.714	1.035.853.112
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.679.384.495	35.827.985.245
11	4. Giá vốn hàng bán	18	30.105.797.697	30.228.128.625
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.573.586.798	5.599.856.620
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính (*)	19	9.049.846.577	1.433.087.316
22	7. Chi phí tài chính	20	1.402.273.728	105.329.910
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.352.272.728	105.329.910
24	8. Chi phí bán hàng		5.078.863.446	2.298.884.064
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.911.747.250	2.151.810.902
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		6.230.548.951	2.476.919.060
31	11. Thu nhập khác		53.297.410	259.883.455
32	12. Chi phí khác		44.369.219	23.281.762
40	13. Lợi nhuận khác		8.928.191	236.601.693
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.239.477.142	2.713.520.753
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	1.721.494.041	662.675.937
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.517.983.101	2.050.844.816
61	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(203.474.685)	-
62	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		4.721.457.786	2.050.844.816
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	451	231

Vũ Thị Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		31.691.392.671	25.840.301.480
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(35.313.177.287)	(17.931.880.137)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(4.795.922.780)	(2.830.913.003)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.352.272.728)	(105.329.910)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.392.804.172)	(1.093.207.927)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		764.239.020	55.165.177.866
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.933.539.228)	(57.833.015.092)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.332.084.504)	1.211.133.277
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(24.000.000)	(58.520.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(19.810.000.000)	(41.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	5.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(118.356.240)	(1.980.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		118.356.240	3.660.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.049.846.577	1.433.087.316
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.784.153.423)	(32.945.432.684)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	51.097.420.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(2.323.668.080)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		346.103.000	16.765.654.133
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(30.000.000.000)	(18.718.000.000)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.023.027.200)	(6.138.460.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(40.000.592.280)	43.006.613.833

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(63.116.830.207)	11.272.314.426
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		98.425.101.580	4.713.705.113
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	35.308.271.373	15.986.019.539

Vũ Thị Minh Nguyệt

Phụ trách kế toán

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn - Cầu Giấy - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 đồng (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.219.484 cổ phần.

Các công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	95 Phố Xuân Trường, Phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông công nghệ giáo dục	Căn hộ P.302, mảnh 2, Khu nhà ở bán cho Cán bộ chiến sỹ Báo An Ninh Thủ đô, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 04 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

2.3 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.10 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
▪ Phần mềm quản lý	10 năm

2.11 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.12 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.13 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.15 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	667.751.917	261.273.850
Tiền gửi ngân hàng	1.580.617.530	2.453.827.730
Các khoản tương đương tiền	33.059.901.926	95.710.000.000
	35.308.271.373	98.425.101.580

Chi tiết các khoản tương đương tiền tại 30/06/2011 bao gồm:

	Số tiền
	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	23.059.901.926
- Tại Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Hai Bà Trưng	5.020.677.622
- Tại Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Trần Duy Hưng	18.039.224.304
Ủy thác đầu tư dưới 3 tháng	10.000.000.000
- Hợp đồng ủy thác đầu tư số 12/2011	10.000.000.000
	33.059.901.926

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác ⁽¹⁾	19.810.000.000	-
	19.810.000.000	-

⁽¹⁾ Đầu tư ngắn hạn khác tại 30/06/2011 bao gồm các khoản đầu tư sau:

- Cho Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/02/2010 với lãi suất cho vay là 13%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 30/06/2011 là 12.610.000.000 VND.
- Đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 11/2011 với bên nhận Ủy thác là Nguyễn Thanh Huyền để đầu tư vào lĩnh vực, dự án có hiệu quả. Số dư của khoản đầu tư này tại thời điểm 30/06/2011 là 7.200.000.000 VND

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu người lao động	27.900.000	-
Phải thu khác	4.586.683.010	3.652.359.064
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương- Đông Anh- Hà Nội ⁽¹⁾	1.915.500.000	1.915.500.000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản- Phát hành SGK ⁽²⁾	200.000.000	200.000.000
- Phải thu Viện Công nghệ Giáo dục	1.400.000.000	1.400.000.000
- Phải thu về tiền BHXH	72.607.514	-
- Phải thu về tiền khen thưởng phúc lợi	783.221.749	-
- Phải thu các đối tượng khác	215.353.747	136.859.064
	4.614.583.010	3.652.359.064

⁽¹⁾Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương- Huyện Đông Anh- TP Hà nội. Diện tích khu đất là 7.662m².

- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.

- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 đồng, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 đồng.

⁽²⁾Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: "Xây dựng Trung tâm Xuất bản- Phát hành Sách Giáo khoa" theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.929.400.753	1.140.299.706
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.694.842.674	2.325.210.347
Thành phẩm	18.239.405.987	16.185.908.045
Hàng hoá	7.183.950.531	9.405.431.607
Hàng gửi đi bán	1.073.008.078	913.139.932
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(992.604.290)	(992.604.290)
	32.128.003.733	28.977.385.347

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	6.194.684	-
Thuế Thu nhập cá nhân	347.197	-
	6.541.881	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn - Cầu Giấy - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	14.360.973.975	37.142.856	2.797.859.491	590.368.306	17.786.344.628
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	14.360.973.975	37.142.856	2.797.859.491	590.368.306	17.786.344.628
Giá trị đã hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.283.105.766	25.760.366	1.751.583.313	487.257.021	3.547.706.466
Số tăng trong kỳ	152.393.481	2.653.060	169.485.821	28.722.021	353.254.383
- Trích khấu hao	152.393.481	2.653.060	169.485.821	28.722.021	353.254.383
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.435.499.247	28.413.426	1.921.069.134	515.979.042	3.900.960.849
Giá trị còn lại					
Đầu năm	13.077.868.209	11.382.490	1.046.276.178	103.111.285	14.238.638.162
Cuối kỳ	12.925.474.728	8.729.430	876.790.357	74.389.264	13.885.383.779

9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, Bảng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.000.000	143.617.546	163.617.546
Số tăng trong kỳ	-	24.000.000	24.000.000
- <i>Mua sắm mới</i>	-	24.000.000	24.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối năm	20.000.000	167.617.546	187.617.546
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.883.333	40.205.004	52.088.337
Số tăng trong kỳ	1.000.000	14.061.758	15.061.758
- <i>Trích khấu hao</i>	1.000.000	14.061.758	15.061.758
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.883.333	54.266.762	67.150.095
Giá trị còn lại			
Đầu năm	8.116.667	103.412.542	111.529.209
Cuối kỳ	7.116.667	113.350.784	120.467.451

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác	750.000.000	750.000.000
- <i>Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội</i>	750.000.000	750.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-
	750.000.000	750.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Cao Bằng	55%	55%	Mua bán sách, tạp chí, bản đồ, giấy viết, dụng cụ học tập....
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Hà Nội	100%	65%	Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, VPP;...

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	4.772.728	28.775.200
Chi phí bản thảo	6.735.779.449	7.835.996.610
	6.740.552.177	7.864.771.810

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	346.103.000	30.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư tài chính Giáo dục	-	30.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Cao Bằng	346.103.000	-
Cộng	346.103.000	30.000.000.000

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.827.684	8.426.715
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.453.415.557	1.124.725.688
Thuế Thu nhập cá nhân	41.171.504	59.380.890
	1.503.414.745	1.192.533.293

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí khuyến khích tiêu thụ và hoa hồng môi giới	549.910.985	470.143.671
Chi phí bán thảo và phí phát hành	359.446.721	346.936.721
Chi phí dịch vụ thương mại phải trả	56.493.567	320.290.072
	965.851.273	1.137.370.464

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	42.948.261
Kinh phí công đoàn	53.836.736	76.742.013
Bảo hiểm xã hội	9.663.592	42.613.166
Bảo hiểm y tế	45.154.129	-
Bảo hiểm thất nghiệp	23.292.694	3.216.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác	860.091.467	430.448.628
- Phải trả Viện Công nghệ Giáo dục	393.400.000	300.500.000
- Phải trả các đối tượng khác	466.691.467	129.948.628
	992.038.618	595.968.156

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2010	51.097.420.000	-	-	-	2.778.425.126	823.252.473	6.085.070.447	60.784.168.046
Tăng vốn trong năm trước	51.097.420.000	(765.000.000)	-	-	-	-	-	50.332.420.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	10.399.898.918	10.399.898.918
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	7.279.269	531.955.484	-	539.234.753
Tiền thuế TNDN quý 4 năm 2008 được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	32.099.681	32.099.681
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(33.600.000)	-	-	-	(33.600.000)
Trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(46.619.953)	(6.085.070.447)	(6.131.690.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.129.081.887)	(2.129.081.887)
Thuế truy các năm theo biên bản thanh tra	-	-	-	-	-	-	(69.539.167)	(69.539.167)
Số dư tại 31/12/2010	102.194.840.000	(765.000.000)	-	(33.600.000)	2.785.704.395	1.308.588.004	8.233.377.545	113.723.909.944
Tăng vốn trong năm nay	-	-	36.199.650	-	-	-	-	36.199.650
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(2.323.668.080)	-	-	-	(2.323.668.080)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	4.721.457.786	4.721.457.786
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	(36.199.650)	-	-	(36.199.650)
Trả cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(7.951.027.200)	(7.951.027.200)
Số dư tại 30/06/2011	102.194.840.000	(765.000.000)	36.199.650	(2.357.268.080)	2.749.504.745	1.308.588.004	5.003.808.131	108.170.672.450

Công ty đã thực hiện tạm phân phối các quỹ trên Báo cáo tài chính năm 2010 theo Nghị quyết số 04/SGDHN của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 12/4/2010 và đã được Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 53/SGDHN ngày 06/04/2011 thông qua, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Tỷ lệ trích lập %	Số tiền VND
Trả cổ tức	8%/Cổ phần	7.951.027.200
Quỹ Dự phòng tài chính	5,00%	525.936.167
Quỹ phúc lợi	5,00%	525.936.167
Quỹ khen thưởng TGD	1,25%	131.484.042
Quỹ khen thưởng cho CBCNV	3,75%	394.452.125
Quỹ khen thưởng BĐH	5,00%	525.936.167
Tổng cộng	20,00%	10.054.771.868

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011	Tỷ lệ	01/01/2011	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	5.928.000.000	5,80%	5.928.000.000	5,80%
Vốn góp của đối tượng khác	96.266.840.000	94,20%	96.266.840.000	94,20%
Cộng	102.194.840.000	100%	102.194.840.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	102.194.840.000	51.097.420.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	51.097.420.000
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.951.027.200	6.131.690.400
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	7.951.027.200	6.131.690.400

d) Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	280.700	3.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	280.700	3.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.938.784	10.215.984
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.938.784	10.215.984
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

17 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	36.659.592.027	36.863.838.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.818.182	-
	36.681.410.209	36.863.838.357

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm	30.105.797.697	30.228.128.625
	30.105.797.697	30.228.128.625

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.699.024.797	1.335.813.316
Lãi đầu tư cổ phiếu	17.361.780	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	67.500.000	97.274.000
Lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	5.265.960.000	-
	9.049.846.577	1.433.087.316

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.352.272.728	105.329.910
Chi phí ủy thác đầu tư	49.957.000	-
Chi phí tài chính khác	44.000	-
	1.402.273.728	105.329.910

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.721.494.041	662.675.937
	1.721.494.041	662.675.937

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.517.983.101	2.050.844.816
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.517.983.101	2.050.844.816
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.008.207	8.865.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	451	231

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Do kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 Công ty chưa trở thành Công ty mẹ nên số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Vũ Thị Minh Nguyệt

Phụ trách kế toán

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2011